

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Năm: 2017

Đơn vị báo cáo	TRƯỜNG CĐ KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP. HCM
Địa chỉ	390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, TPHCM
Điện thoại	38440567
Email	phongtochuc@lttc.edu.vn
Fax	38118676
Thông tin cán bộ đầu mối báo cáo	
Họ và tên	Lê Thị Tuyết Trinh
Chức danh	Chuyên viên
Điện thoại di động	0932 269 804
Email	letrinh26988@gmail.com

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Tuyết Trinh

Tp.HCM., ngày 08 tháng 3. năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)




Phạm Hữu Lộc

**Bảng 1.5. SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
TẠI CÁC TRƯỜNG TCCN
Năm 2017**

	Tổng cộng	Số lượng không dạy và học ngoại ngữ	Số lượng dạy và học ngoại ngữ									
			Tổng cộng	Tiếng Anh		Tiếng Pháp	Tiếng Nga	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn Quốc	Tiếng Đức	Khác
				Chương trình cơ bản	Chương trình tăng cường							
	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
Số trường												
Số lớp	8		8	8								
Số học sinh	507		507	507								
Số giáo viên*	12		12	12								

*Nếu 1 giáo viên dạy nhiều chương trình (trong đó có chương trình tăng cường) thì tính vào số lượng dạy chương trình tăng cường.

- Mỗi giáo viên chỉ được thống kê 1 lần

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Tuyết Trinh

TPHCM, ngày 02 tháng 3 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc

BẢNG 3.1. SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN TIẾNG ANH ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NLNN
Năm 2015, 2016

STT	Đơn vị tổ chức bồi dưỡng	Tên khóa bồi dưỡng	Loại hình bồi dưỡng (Đánh dấu x)			Độ dài khóa bồi dưỡng (tiết)		Thời gian bắt đầu tổ chức (ngày/tháng)	Tổng số lượt người tham gia	Kết quả đầu ra* (số lượng giáo viên)				
			Trong nước	Liên kết	Nước ngoài	Tổng	Chia ra Trực tiếp Trực tuyến			Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
1	Trường ĐHSP Tp.HCM	Chứng chỉ tiếng Anh	x					22/02/2016	1				1	
2	Cambridge English	Chứng chỉ tiếng Anh	x					20/8/2016	1				1	
3	IDP	Chứng chỉ tiếng Anh	x					09/9/2015	1				1	
4														
5														
6														
7														
8														
9														
10														
11														
12														
13														
14														
15														
Tổng									3				3	

(*) Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Nguyệt Trinh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TPHCM, ngày *08* tháng *3* năm *2017*

Phạm Hữu Lộc

BẢNG 3.2. SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN TIẾNG ANH ĐƯỢC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
Năm 2015, 2016

STT	Đơn vị tổ chức bồi dưỡng, tập huấn	Tên khóa bồi dưỡng, tập huấn	Loại hình tập huấn, bồi dưỡng (Đánh dấu x lựa chọn)			Độ dài khóa bồi dưỡng, tập huấn (tiết)			Thời gian bắt đầu tổ chức (ngày/tháng)	Tổng số lượt người tham gia	Số người đạt chứng chỉ	Tên chứng chỉ/chứng nhận
			Trong nước	Liên kết	Nước ngoài	Tổng	Chia ra					
							Trực tiếp	Trực tuyến				
1	IIG Việt Nam	Tập huấn GV tiếng Anh theo định hướng chuẩn Quốc tế TOEIC	x			24	24		26/8/2017	4	4	Giấy chứng nhận
2	IIG Việt Nam	Tập huấn chương trình dạy và học Tiếng Anh trực tuyến ED của ETS	x			8	8		23/9/2017	3		
3	Tổ chức Giáo dục Quốc tế	Táp huấn nâng cao kỹ năng giảng dạy giáo viên Tiếng Anh	x						10/10/2015	3		
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												
	Tổng									10	4	

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Tuyết Trinh

Phạm Hữu Lộc, ngày 08 tháng 3 năm 2017
 Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc

BẢNG 5.1. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
Năm 2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ (Theo kế hoạch được giao)	Kinh phí được giao năm nay (triệu đồng)				Kinh phí đã sử dụng (triệu đồng)				Kinh phí chuyển sang năm sau (triệu đồng)				Ghi chú
		NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng	NSTW	NSDP	Nguồn huy động khác	Tổng	
1	2	3	4	5	6=3+4+5	7	8	9	10=7+8+9	11	12	13	14=11+12+13	15
1	Khảo sát năng lực giáo viên/giảng viên dạy tiếng Anh													
2	Bồi dưỡng nâng cao NLNN													
	Bồi dưỡng ở trong nước													
	Bồi dưỡng liên kết													
	Bồi dưỡng ở nước ngoài													
3	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ						20,0		20,0					
	Bồi dưỡng ở trong nước						20,0		20,0					
	Bồi dưỡng liên kết													
	Bồi dưỡng ở nước ngoài													
4	Bồi dưỡng, tập huấn khác													
	Bồi dưỡng ở trong nước													
	Bồi dưỡng liên kết													
	Bồi dưỡng ở nước ngoài													
5	Xây dựng đơn vị điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ													
5.1	Các hoạt động chuyên môn													
	Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên													
	Tổ chức các hoạt động cho học sinh													
	Các hoạt động khác													
5.2	Mua sắm tài liệu, học liệu và thiết bị thiết yếu phục vụ dạy và học ngoại ngữ													
6	Tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy-học ngoại ngữ						409,0		409,0					
	Phòng lab						409,0		409,0					
	Phòng đa năng (Multi-media)													
	Phòng dạy học ngoại ngữ (khác)													
	Mua sắm các thiết bị dạy học thông dụng													
7	Hoạt động quản lý, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án													
8	Tuyên truyền, giới thiệu Đề án													
9	Hội nghị, hội thảo...													
10	Hoạt động khác													
	Tổng kinh phí						429,0		429,0					

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thị
Lê Thị Tuyết Trinh

TpHCM, ngày 8 tháng 3 năm 2017
 Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc

BẢNG 5.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
Năm 2017

STT	Nhiệm vụ (Theo kế hoạch được giao)	Đơn vị tính	Số lượng										Ghi chú
			Kế hoạch					Thực hiện					
			TH	THCS	THPT	GDTX	TCCN	TH	THCS	THPT	GDTX	TCCN	
1	Khảo sát năng lực giáo viên/giảng viên dạy tiếng Anh	người											
2	Xây dựng đơn vị diễn hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	Số lượng trường tham gia	trường	x	x	x	x	x						
3	Bồi dưỡng nâng cao NLNN						7					7	
	Trong nước	người					7					7	
	Liên kết	người											
	Nước ngoài	người											
4	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ												
	Trong nước	người											
	Liên kết	người											
	Nước ngoài	người											
5	Bồi dưỡng, tập huấn khác	người											
	Trong nước	người											
	Liên kết	người											
	Nước ngoài	người											
6	Số giáo viên bộ môn khác được tham gia bồi dưỡng ngoại ngữ	người					1					1	
7	Tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy-học ngoại ngữ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	Phòng lab	phòng					2					2	
	Phòng đa năng (Multi-media)	phòng											
	Phòng có trang thiết bị thông thường	phòng											
	Mua sắm các thiết bị dạy học thông dụng	thiết bị											
8	Hội nghị, hội thảo...	cuộc											

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Tuyết Trinh

TPHCM, ngày 8 tháng 3 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc

BẢNG 2. SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ

Năm 2017

	Số lượng					
	Tổng số	TH	THCS	THPT	GDTX	TCCN
Tổng số giáo viên ngoại ngữ	12					12
1. Tổng số giáo viên tiếng Anh	12					12
Theo trình độ đào tạo (ngành tiếng Anh)¹	12					12
Tiến sĩ (TS)						
Thạc sĩ (ThS)	6					6
Cử nhân trình độ đại học (ĐH)	6					6
Cử nhân trình độ cao đẳng (CĐ)						
Trình độ khác						
Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	12					12
Giáo viên đạt trình độ bậc 1 và tương đương						
Giáo viên đạt trình độ bậc 2 và tương đương	3					3
Giáo viên đạt trình độ bậc 3 và tương đương	2					2
Giáo viên đạt trình độ bậc 4 và tương đương	2					2
Giáo viên đạt trình độ bậc 5 và tương đương	4					4
Giáo viên đạt trình độ bậc 6 và tương đương						
Giáo viên được miễn rà soát ²						
Giáo viên chưa rà soát	1					1
Số lượng khác ³						
2. Tổng số giáo viên ngoại ngữ khác						
Giáo viên tiếng Pháp						
Giáo viên tiếng Nga						
Giáo viên tiếng Trung Quốc						
Giáo viên tiếng Nhật						
Giáo viên tiếng Hàn Quốc						
Giáo viên tiếng Đức						
Giáo viên ngoại ngữ khác ⁴						

Ghi chú:

(1) Trình độ đào tạo: chỉ thống kê một lần ở trình độ cao nhất

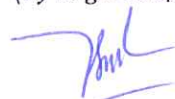
(2) Đối tượng được miễn rà soát: theo công văn số 5201/BGDDĐT-GDDH ngày 26/7/2013

(3) Số lượng khác: Số lượng giáo viên đã khảo sát nhưng chưa có kết quả, số lượng đang tham gia các lớp bồi dưỡng...

(4) Giáo viên dạy tiếng Việt cho người nước ngoài không được tính là giáo viên dạy ngoại ngữ khác

(5) Số lượng giáo viên ở các trường thông tin sau là bằng nhau: Tổng số giáo viên tiếng Anh = Theo trình độ đào tạo (ngành tiếng Anh) 1 = Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Tuyết Sinh

TP HCM, ngày 08 tháng 3 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc

Bảng 4. SỐ LƯỢNG PHÒNG, THIẾT BỊ LỄ SỬ DỤNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
Năm 2017

	Đơn vị tính	Số lượng ¹					
		Tổng	TH	THCS	THPT	GDTX	TCCN
I. Tổng số phòng dạy và học ngoại ngữ		2					2
Phòng lab ²	Phòng	2					2
Phòng đa năng (Multi-media) ³	Phòng						
Phòng dạy và học ngoại ngữ (khác) ⁴	Phòng						
II. Các thiết bị dạy học thông dụng		x	x	x	x	x	x
1. Cassette	Chiếc	18					18
2. Tăng âm + Loa + Micro	Bộ	2					2
3. Tivi	Chiếc						
4. Đầu đĩa	Chiếc						
5. Máy vi tính	Chiếc	2					2
6. Máy chiếu (đa năng)	Bộ	2					2
7. Bảng tương tác	Chiếc						
8. Các thiết bị khác		82					82

Ghi chú:

(1) Tổng số phòng tính đến thời điểm hiện tại

(2) Phòng lab: Chỉ có máy tính cho giáo viên, không có máy tính cho học sinh

(3) Phòng đa năng (Multi-media): Có máy tính cho giáo viên và máy tính cho từng học sinh

(4) Phòng dạy và học ngoại ngữ (khác): Ví dụ: phòng có trang bị máy tính cho giáo viên, hệ thống âm thanh trình chiếu (máy chiếu, tăng âm...) v.v...

- Danh mục thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ theo công văn số 7110/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 24/10/2012 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn mua sắm, sử dụng và bảo quản TBDH môn Ngoại ngữ trong các trường phổ thông

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Tuyết Trinh

Tp HCM, ngày *08* tháng *3* năm *2017*
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Hữu Lộc